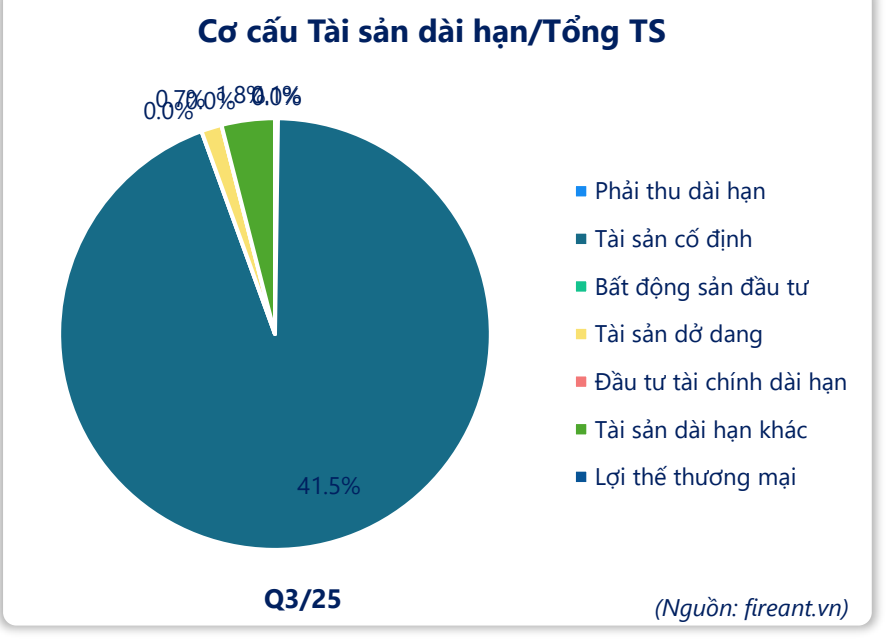
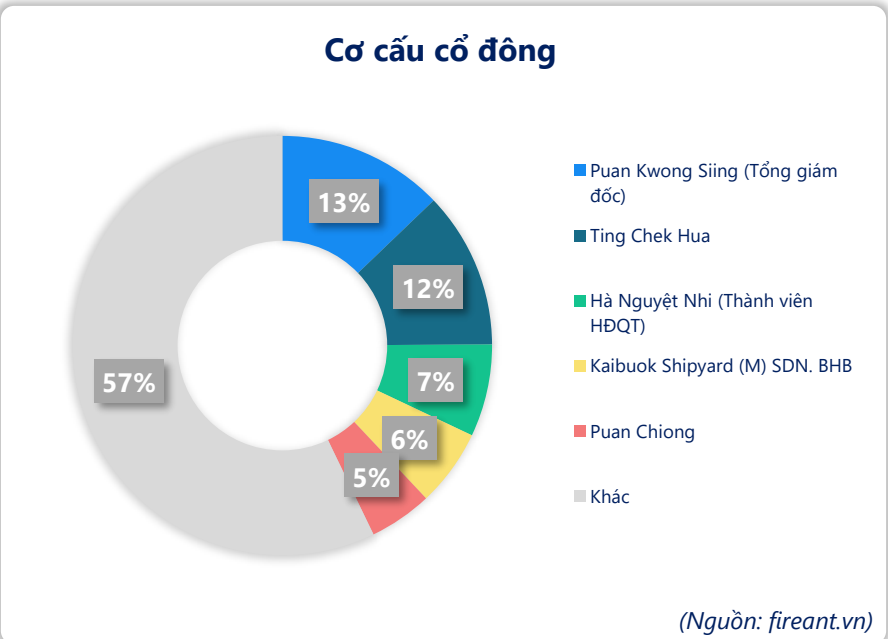
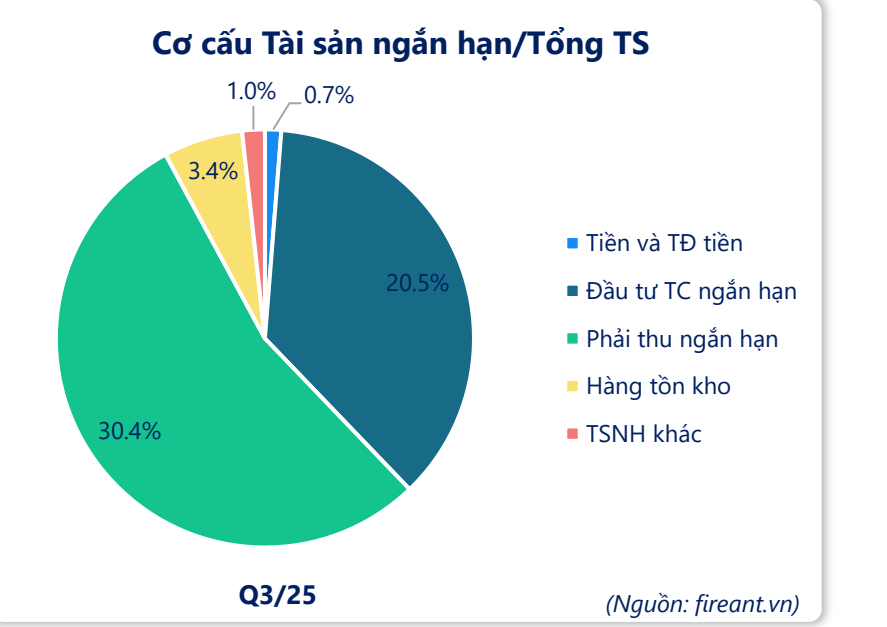
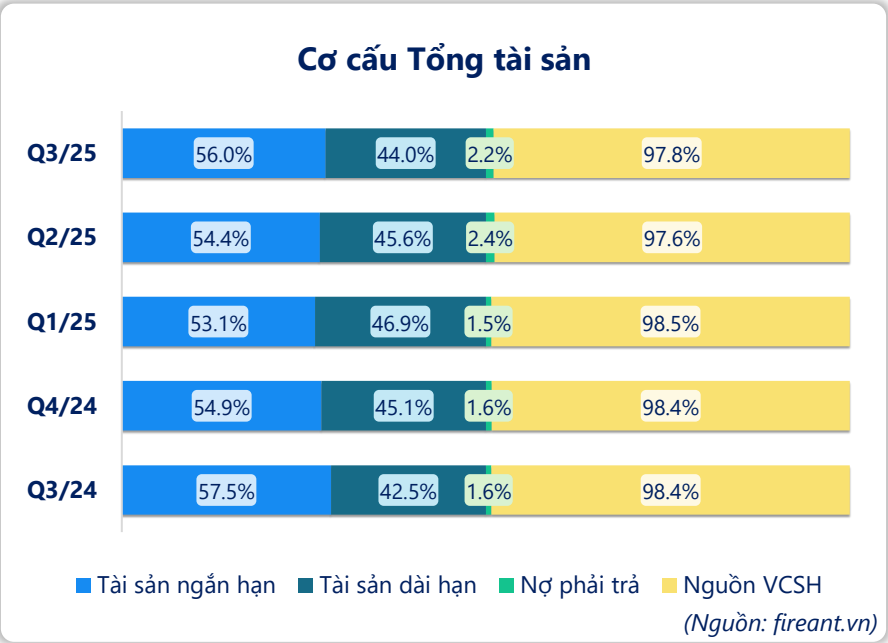
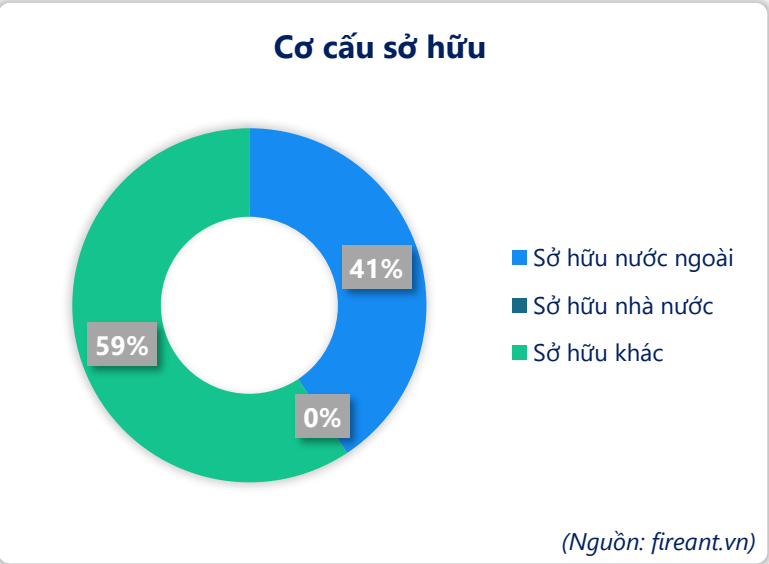
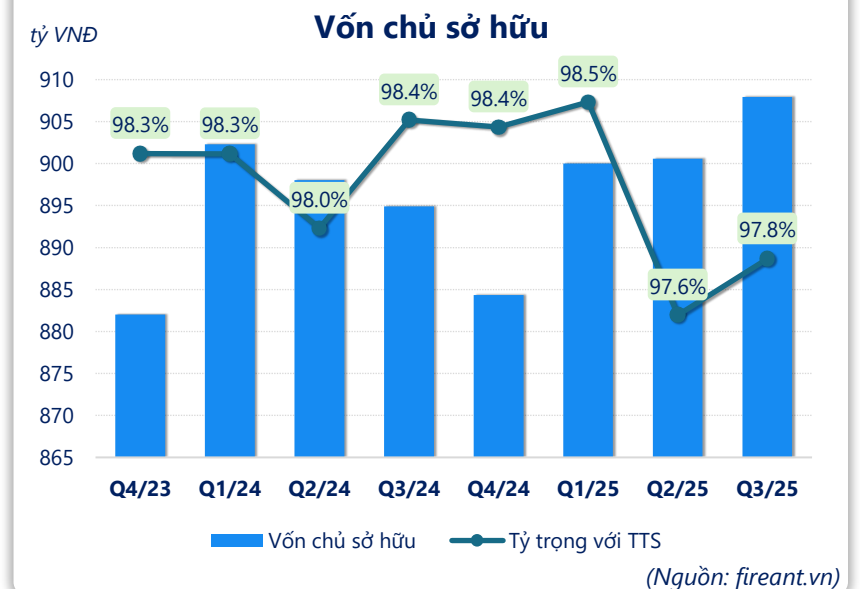
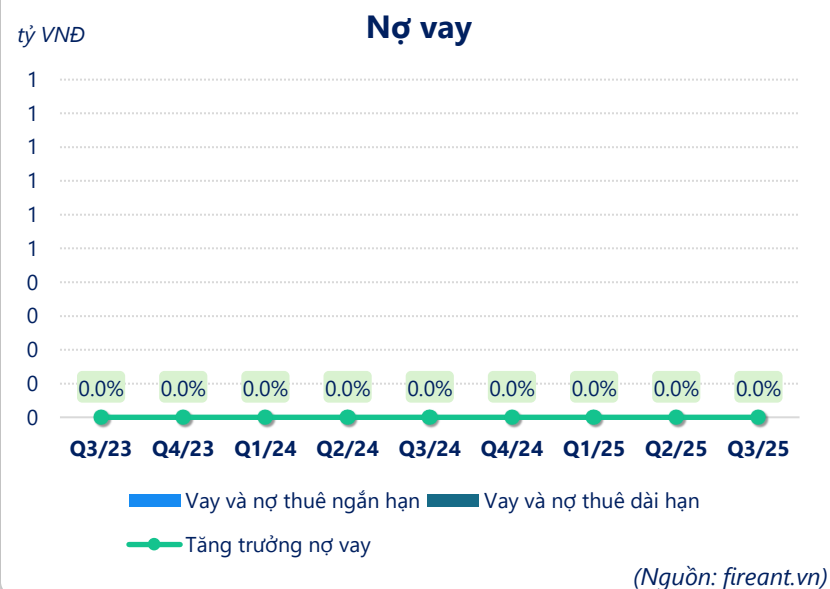
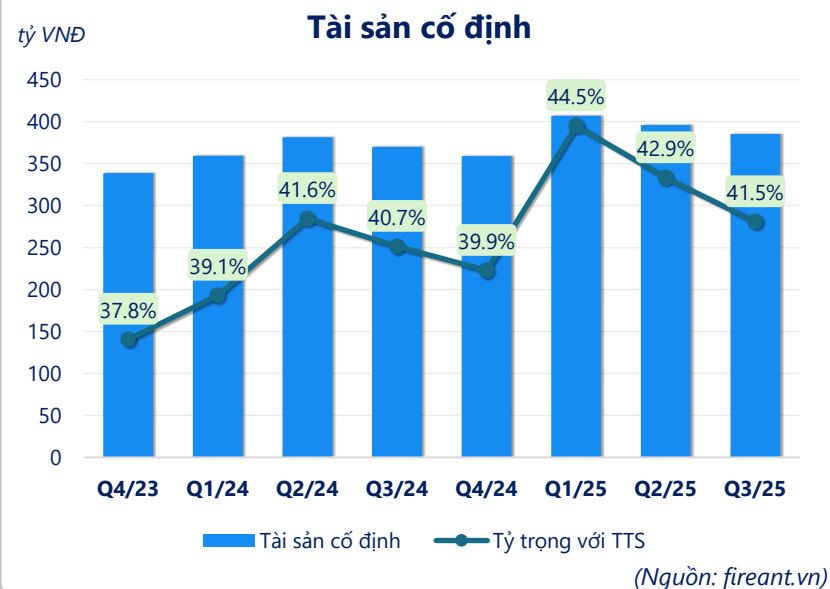
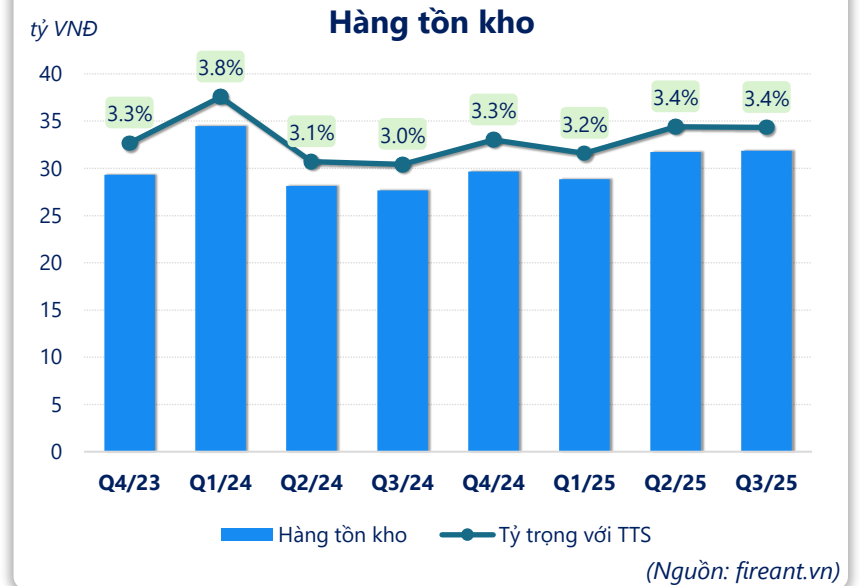
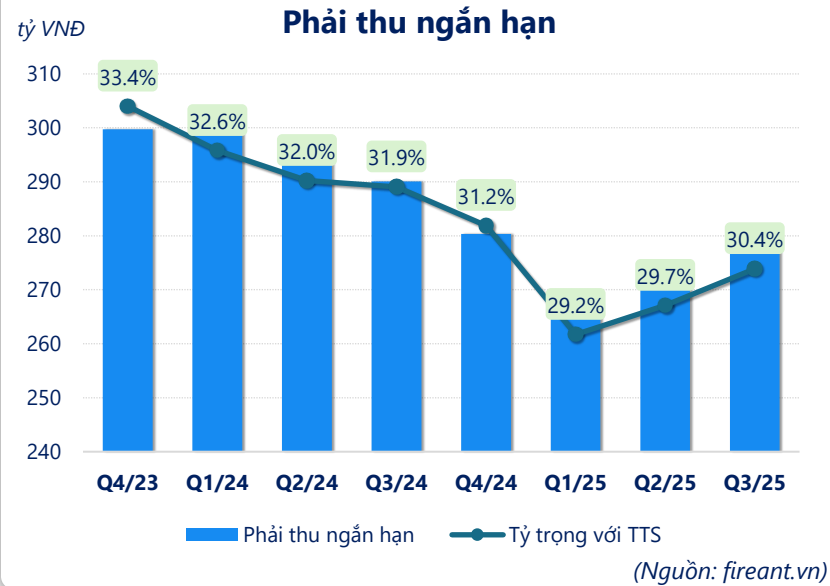
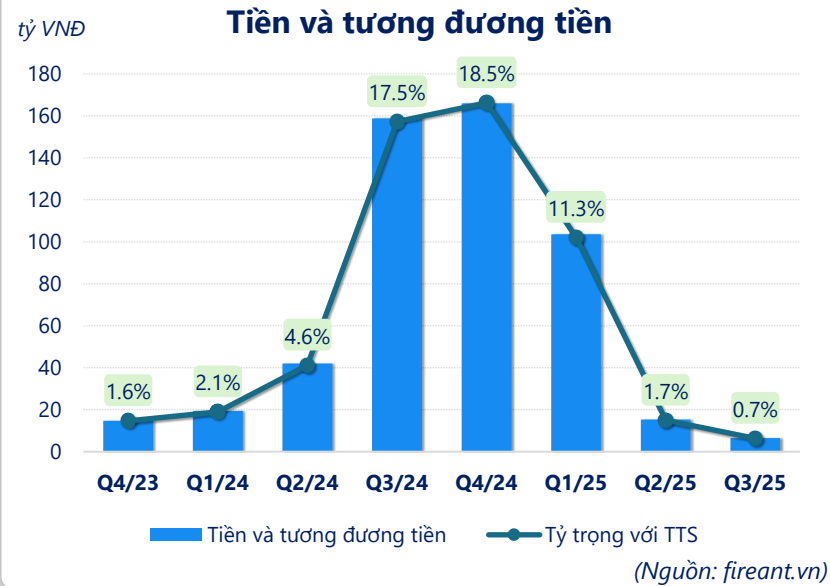
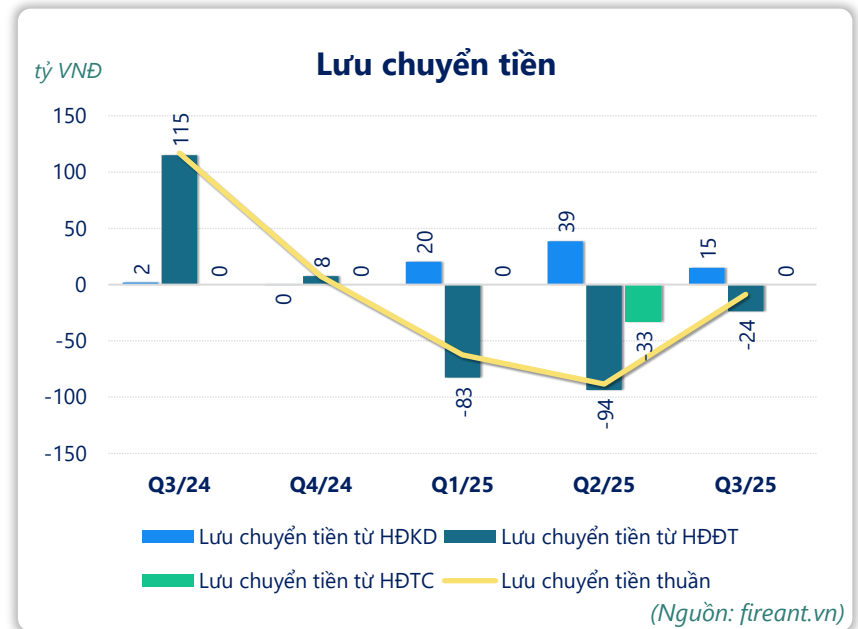
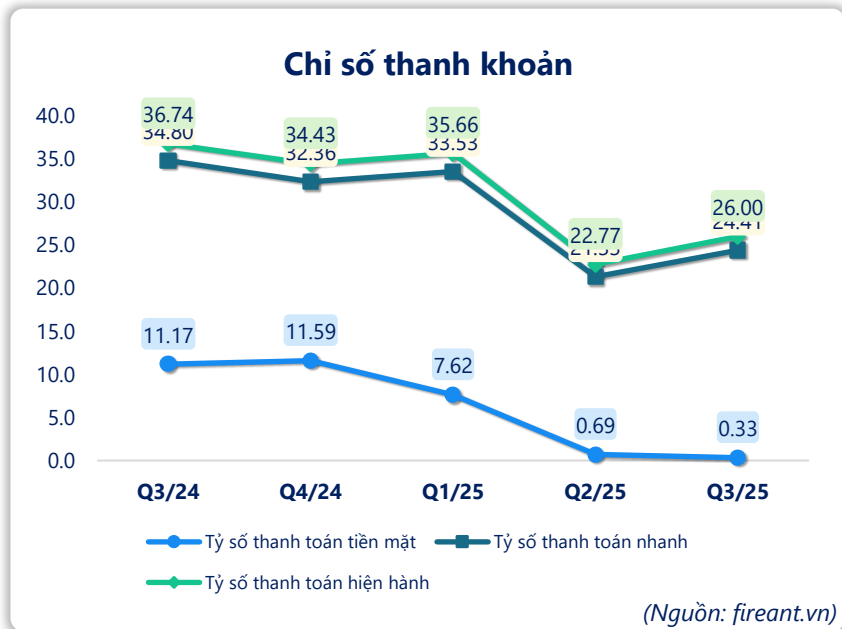
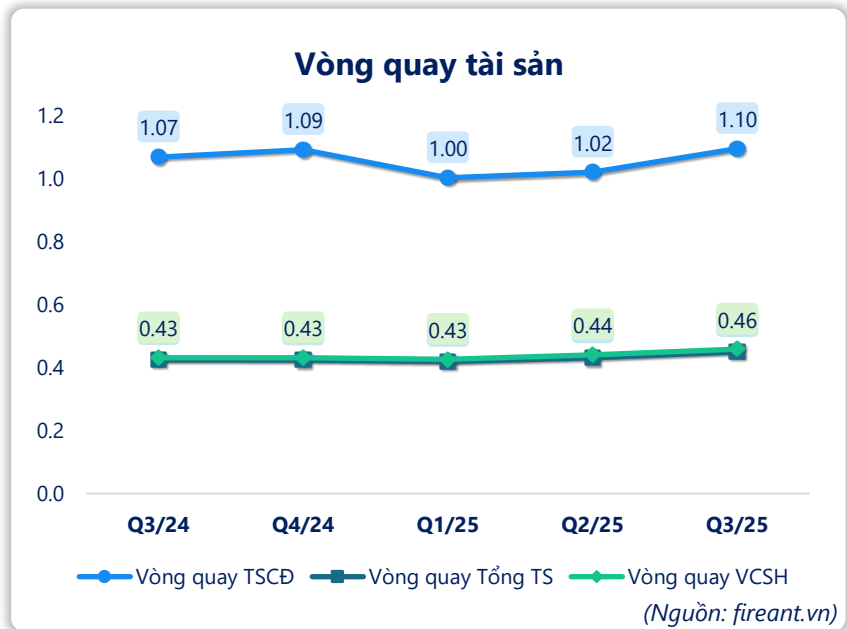
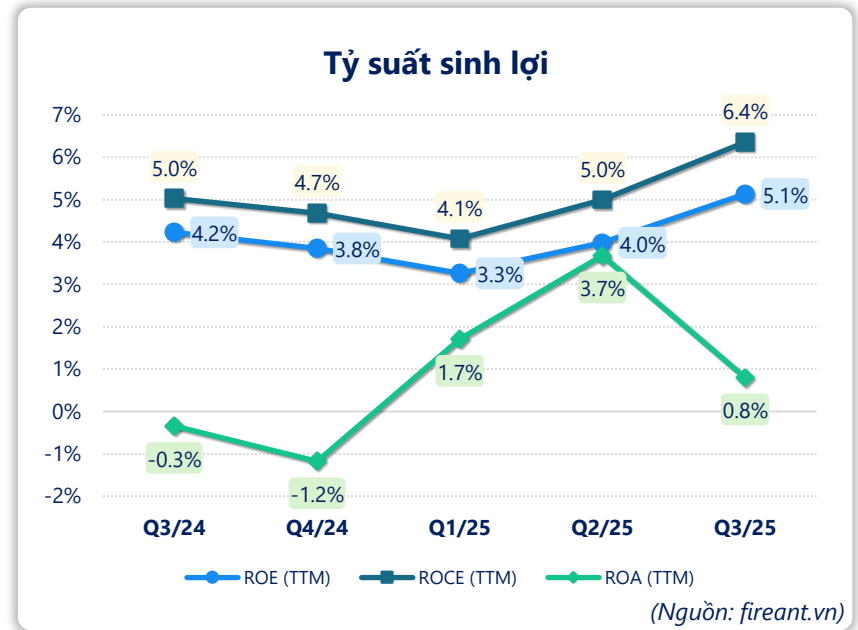
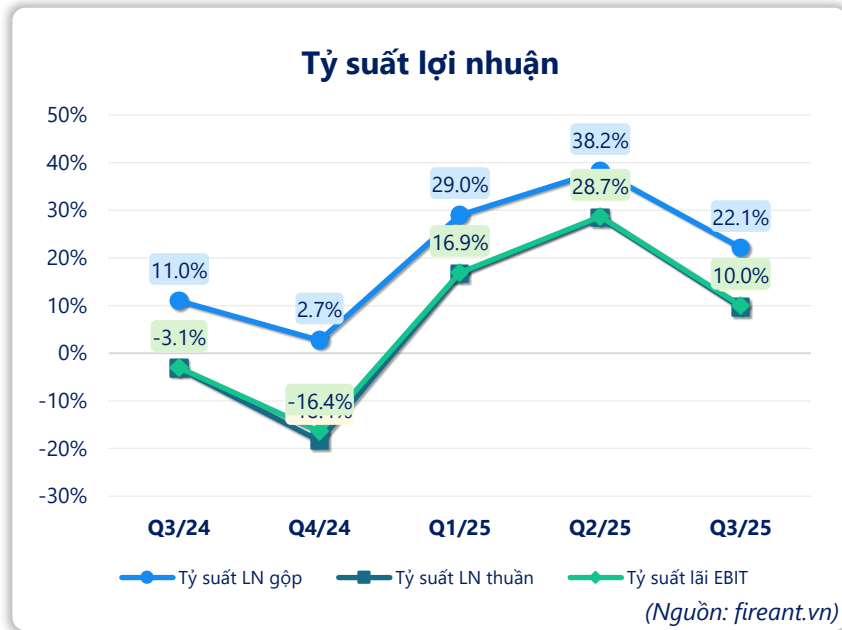
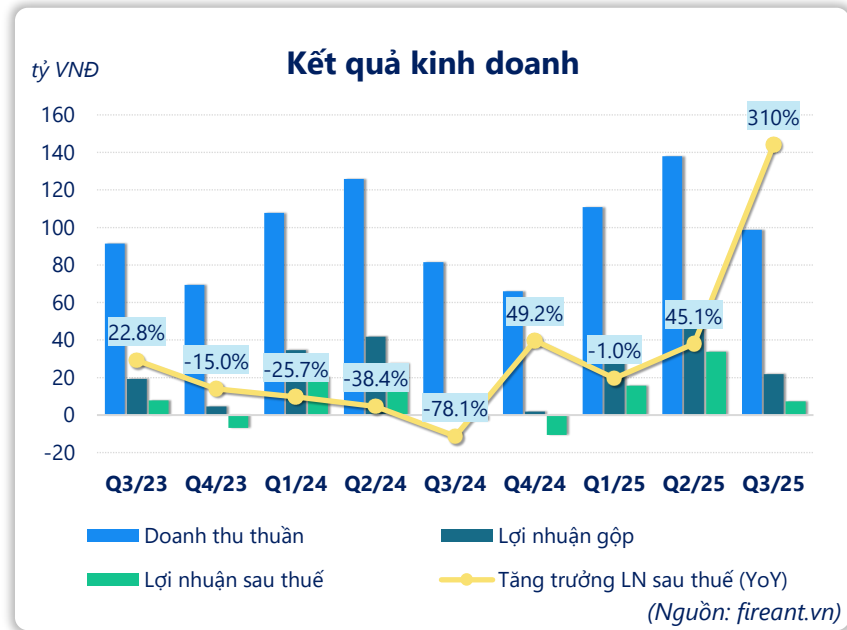


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,311
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,551
SL cổ phiếu LH		66,497,697
KLGD BQ 20 phiên (CP)		173,365
% sở hữu nước ngoài		40.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		722
P/E		15.6
EPS		696

	YTD	1T	3T	6T
SKG	-0.7%	-3.1%	5.3%	-5.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	928	899	3.3%
Tài sản ngắn hạn	520	493	5.3%
Tiền và tương đương tiền	6.54	166	-96.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	190	10.0	1800%
Phải thu ngắn hạn	282	280	0.6%
Hàng tồn kho	31.8	29.7	7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	9.11	7.31	24.5%
Tài sản dài hạn	408	405	0.7%
Phải thu dài hạn	0.91	0.81	12.4%
Tài sản cố định	385	359	7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.30	32.3	-80.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	16.3	13.4	21.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	20.0	14.4	39.3%
Nợ ngắn hạn	20.0	14.3	39.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.93	1.59	21.8%
Nợ dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	908	884	2.7%
Vốn chủ sở hữu	908	884	2.7%
Vốn điều lệ	665	665	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	81.6	66.0	111	138	98.7
Giá vốn hàng bán	72.6	64.2	78.8	85.2	76.9
Lợi nhuận gộp	8.95	1.78	32.2	52.8	21.8
Doanh thu HĐTC	2.08	1.83	1.66	3.16	2.56
Chi phí TC	0.01	0.00	0.04	0.15	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.1	10.9	11.6	12.5	11.1
Chi phí QLDN	3.46	4.87	3.68	4.09	3.78
LN thuần từ HĐKD	-2.58	-12.1	18.5	39.2	9.48
Lợi nhuận khác	0.07	1.30	0.21	0.34	0.36
LN trước thuế	-2.50	-10.8	18.7	39.6	9.83
Lợi nhuận sau thuế	-3.11	-10.6	15.7	33.8	7.35
LNST của CĐ cty mẹ	-3.11	-10.6	15.7	33.8	7.35

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.84	-0.40	20.3	38.6	14.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	115	7.58	-82.7	-93.7	-23.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-33.2	0
Tiền đầu kỳ	42.0	159	166	104	15.3
Lưu chuyển tiền thuần	117	7.18	-62.3	-88.3	-8.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	159	166	104	15.3	6.54

(Nguồn: fireant.vn)